

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

Số: 18 /2019/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016 - 2020 (lần 3)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2842/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 3); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 3), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn và điều chỉnh nội bộ Kế hoạch trung hạn của các sở, ban, ngành và địa phương: 112.740 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn tăng thu trong cân đối ngân sách tỉnh: 965.120 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

3. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn thu hồi ứng trước ngân sách tỉnh (nguồn kết dư): 15.632 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm)

4. Điều chỉnh, bổ sung vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 52.861 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục IV, V)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

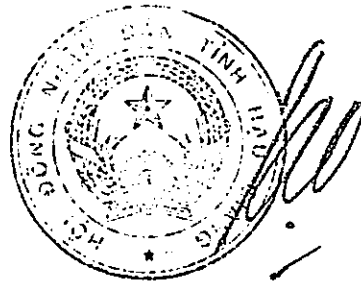
Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

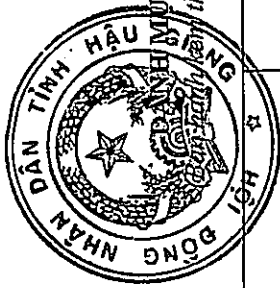
Nơi nhận:

- VPQH: VPCP (HN, TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Tạo



PHỤ LỤC I
MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020
theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được duyệt				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Giảm	Tăng	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi ứng ngân sách tính (nguồn kết dư)	Cân đối Ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng trước ngân sách tính (nguồn kết dư)			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối Ngân sách địa phương											
	Tổng vốn	847.737	599.528	993.130	915.644	4.900	14.550	993.130	915.644	4.900	14.550	112.740	112.740	
A	Trả nợ vay Ngân hàng phát triển, phí vay KBNN			480.198	480.198			480.375	480.375			177		
B	Vốn đối ứng các dự án			18.780	18.780								18.780	
C	Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn			37.407	37.407								37.407	
D	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025											44.053	44.053	
E	Vốn thực hiện dự án	847.737	599.528	456.745	379.259	4.900	14.550	468.702	391.216	4.900	14.550	68.510	56.553	
*	Tình quản lý	667.306	448.054	378.201	320.828	4.900	14.550	378.659	321.286	4.900	14.550	52.274	51.816	
I	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	418.986	365.734	329.623	272.250	4.900	14.550	324.558	267.185	4.900	14.550	24.838	29.903	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020	97.459	97.459	71.734	33.811	-	-	67.635	29.712	-	-	-	4.099	
1	Trường TH Tân Long 1	35.022	35.022	19.797	6.207			17.698	4.108				2.099	
2	Trường TH thị trấn Cái Tắc	62.437	62.437	51.937	27.604			49.937	25.604				2.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020	321.527	268.275	257.889	238.439	4.900	14.550	256.923	237.473	4.900	14.550	24.838	25.804	
1	Trụ sở Trung tâm hành chính công tỉnh Hậu Giang	30.000	30.000	27.000	27.000			6.628	6.628				20.372	
2	Trụ sở làm việc các hội có tính chất đặc thù của tỉnh	54.885	54.885	45.397	45.397			44.974	44.974				423	
3	Trường THPT Lương Thế Vinh	5.067	5.067	5.067	5.067			5.019	5.019				48	
4	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Phòng khám khu vực Vĩ Thanh	2.000	2.000	1.900	1.900			1.826	1.826				74	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được duyệt				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Giảm	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư			Trong đó:			Trong đó:				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối Ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng ngân sách tỉnh (nguồn kết dư)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng trước ngân sách tỉnh (nguồn kết dư)		
5	Sửa chữa trụ sở các sở, ban ngành tỉnh	227/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	21.000	21.000	18.900	18.900		18.304	18.304				596	
6	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế xã Vĩnh Viễn A	224/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.134	3.134	2.822	2.822		2.660	2.660				162	
7	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế TT Rạch Gỏi	220/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.409	2.409	2.409	2.409		2.239	2.239				170	
8	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế TT Một Ngàn	221/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.834	3.834	3.654	3.654		3.651	3.651				3	
9	Nâng cấp mở rộng Trường THPT VT Thủy (phần hiệu Vĩnh Thuận Tây)	215/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	8.000	8.000	7.535	7.535		7.480	7.480				55	
10	Trường THPT Chuyên VT Thanh.	227/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	6.700	6.700	6.700	6.700		6.320	6.320				380	
11	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hậu Giang gồm các hạng mục: Sân đường nội bộ, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, trạm biến áp, phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị ...	225/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	14.999	14.999	14.955	14.955		14.779	14.779				176	
12	Nâng cấp, cải tạo đường số 3 và số 4 hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn I	219/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.250	7.250	7.750	7.750		7.115	7.115				635	
13	Sửa chữa Trụ sở các Sở, ban ngành tỉnh giai đoạn 2	200/QĐ-SKHĐT, 11/7/2019	9.653	9.653	10.400	10.400		9.653	9.653			9.653	747	
14	Nhà tang lễ tỉnh Hậu Giang và một số hạng mục chức năng khác	504/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	8.500	4.350	4.350	8.500		7.981	3.831			4.150	519	
15	Sửa chữa Cùm tương đài Chiến thắng và xây dựng 03 cùm pa nô tuyên truyền trên tuyến Quốc lộ 61C	176/QĐ-SKHĐT, 12/6/2019	3.456		4.900	4.900		3.456				3.456	1.444	
16	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh	288/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	1.972	1.972				1.972	1.972					x
17	Trồng bổ sung cây xanh khu di tích Đền thờ Bác Hồ, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	286/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	3.090	899				3.090	899			747	3.090	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được duyệt				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Giảm	Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cần đối ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng ngân sách tỉnh (nguồn kết dư)	Trong đó:				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cần đối Ngân sách địa phương			Cần đối Ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018					Thu hồi ứng ngân sách tỉnh (nguồn kết dư)				Cần đối ngân sách địa phương
18	Trạm biến áp Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Hậu Giang	1.100	1.100	287/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	1.100	1.100					1.100	1.100			1.100	
19	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn tỉnh	18.700	4.398	1913/QĐ-UBND, 31/10/2019	18.700	4.398					4.398	4.398			4.398	
20	Khu hậu cù đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh và khu hành chính quản lý thuộc Trung tâm văn hóa tỉnh Hậu Giang	115.000	103.500	1940/QĐ-UBND, 31/10/2016	115.000	103.500	90.000	90.000			103.500	103.500			13.500	
21	Sửa chữa Cổng chào Cái Tắc, huyện Châu Thành A	778	778	285/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	778	778					778	778			778	
II	Tỉnh đoàn Hậu Giang										1.065	1.065			1.065	
	Dự án tái toán tài khoản										1.065	1.065			1.065	
I	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh	19.243	19.243	1269/QĐ-UBND, 07/6/2010	19.243	19.243					1.065	1.065			1.065	
III	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	243.862	77.862		243.862	77.862	48.578	48.578	-	-	48.578	48.578			21.913	21.913
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 -2020	219.512	53.512		219.512	53.512	48.578	48.578	-	-	26.665	26.665			-	21.913
I	Đường tỉnh 930 (đoạn từ thị trấn Long Mỹ đến Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)	219.512	53.512	1514/QĐ-UBND 30/10/2014	219.512	53.512	48.578	48.578			26.665	26.665				21.913
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020	24.350	24.350		24.350	24.350	-	-	-	-	21.913	21.913			21.913	-
I	Mở rộng đường tránh thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	24.350	24.350	1903/QĐ-UBND 30/10/2019	24.350	24.350					21.913	21.913			21.913	
IV	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.500	1.500		1.500	1.500	-	-	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	-
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020	1.500	1.500		1.500	1.500	-	-	-	-	1.500	1.500			1.500	-
I	Mua sắm trang thiết bị ban, ghế phòng họp lớn Sở Tài nguyên và Môi trường	1.500	1.500	281/QĐ-SKHĐT, 28/10/2019	1.500	1.500					1.500	1.500			1.500	
V	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	2.958	2.958		2.958	2.958	-	-	-	-	2.958	2.958	-	-	2.958	-
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020	2.958	2.958		2.958	2.958	-	-	-	-	2.958	2.958			2.958	-
I	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn I	2.958	2.958	273/QĐ-SKHĐT, 19/10/2019	2.958	2.958					2.958	2.958			2.958	
**	Huyện quản lý	180.431	151.474		180.431	151.474	78.544	58.431	-	-	90.043	69.930	-	-	16.236	4.737

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được duyệt				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối Ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng ngân sách (nguồn tiết dư)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối Ngân sách địa phương					Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng ngân sách (nguồn tiết dư)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối ngân sách địa phương			
I	Thị xã Ngã Bảy		8.000	8.000	-	-	-	-	8.000	8.000	-	-	8.000	-	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		8.000	8.000	-	-	-	-	8.000	8.000	-	-	8.000	-	
1	Công chào thị xã Ngã Bảy khu vực Vòng Xoay Hiệp Thành	1920/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000											x
2	Công chào thị xã Ngã Bảy khu vực Vòng Xoay Hiệp Lợi	1921/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000											x
3	Đài Truyền thanh thị xã Ngã Bảy	1944/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000											x
II	Huyện Vị Thủy		3.499	3.499	-	-	-	-	3.499	3.499	-	-	3.499	-	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		3.499	3.499	-	-	-	-	3.499	3.499	-	-	3.499	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Vị Thủy	1890/QĐ-UBND, 29/10/2019	1.499	1.499											
2	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vị Thủy	1891/QĐ-UBND, 29/10/2019	2.000	2.000											
II	Huyện Phụng Hiệp		168.932	139.975	78.544	58.431	-	-	78.544	58.431	-	-	4.737	4.737	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020		130.450	106.153	44.901	30.547	-	-	44.050	29.696	-	-	1.434	2.285	
1	Trung tâm Y tế huyện	1091/QĐ-UBND, 04/07/2011	33.993	33.993	6.346	2.846			6352	2852			6		
2	Trường mẫu giáo Thạnh Hòa	3303a/QĐ-UBND, 27/9/2013	4.964	4.964	253	253			247	247				6	
3	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Hoà	3574a/QĐ-UBND, 12/6/2014	7.300	7.300	5.754	966			4788	0				966	
4	Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện	4906/QĐ-UBND ngày 11/7/2014	32.198	32.198	11.791	7.291			12972	8472			1.181		
5	Trường mẫu giáo Tân Bình 2	1976/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.680	1.680					168	168			168		
6	Trường TH Hòa An 1. Hạng mục: Xây dựng 11 phòng học, sân đường, thoát nước ngoại vi	4101/QĐ-UBND, 12/10/2016	4.188	4.188	6.132	6.132			5574	5574				558	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được duyệt				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối Ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng trước ngân sách tính (nguồn kết dư)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng trước ngân sách tính (nguồn kết dư)			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối Ngân sách địa phương											
7	Đường số 1, một đoạn tuyến của đường số 6, một đoạn tuyến của đường số 5 cấp kênh La Bích trung tâm thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	4861/QĐ-UBND, 8/7/2014	36.732	12.435	12.435	12.435			12.088	12.088				347	
8	Đê bao khép kín tuyến ấp 6 và ấp 7	2425a/QĐ-UBND, 23/10/2013	5.200	5.200	259	259								259	
9	Công trình: Trường tiểu học Hòa An 1 (01 nhà vệ sinh), Trường tiểu học Hòa An 4 (01 nhà vệ sinh); Trường tiểu học Hòa Mỹ 3 (01 nhà vệ sinh) và Trường tiểu học Thạnh Hóa 3 (01 nhà vệ sinh)	6073/QĐ-UBND, 09/10/2014	571	571	102	102								102	
10	Nhà văn hoá ấp Phú Xuân	3332/QĐ-UBND, 22/5/2014	2.120	2.120	414	114			493	193			79		
11	Nhà văn hóa ấp Phương Thạnh	184/UBND, 13/2/2015	1.504	1.504	1.415	149			1368	102				47	
	Dự án thời công mới giai đoạn 2016 - 2020		38.481	33.821	33.643	27.884	-	-	34.494	28.735	-	-	3.303	2.452	
1	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, hạng mục: 04 phòng học; 02 phòng chức năng, sân đường	4734/QĐ-UBND, 31/10/2016	3.468	3.468	3.860	2.650			2710	1500				1.150	
2	Trường tiểu học Tân Bình 3	4737/QĐ-UBND, 31/10/2016	15.000	11.000	15.000	11.000			14.535	10.535				465	
3	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng, điểm Phò Đường, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp; hạng mục: 02 phòng học, khu vệ sinh, nhà kho, hàng rào, sân chơi	2322/UBND, 25/12/2017	1.346	1.346	606	606			115	115				491	
2	Trường Mẫu giáo Hòa Mỹ, điểm ấp 3, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp; hạng mục: 02 phòng học, sân chơi, hàng rào, thiết bị	861/UBND, 16/5/2018	1.061	1.061	702	702			635	635				67	
2	Trường Mẫu giáo Khu căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ, hạng mục: 02 phòng học; 01 phòng chức năng, sân đường	4735/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.790	1.790	1.681	1.132			1657	1108				24	
4	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	4603/QĐ-UBND, 31/10/2017	600	600	541	541			531	531				10	
6	Trường TH Phụng Hiệp	4600/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.700	2.700	2.700	2.700			2662	2662				38	
7	Trường TH TT Kinh Cưng	4599/QĐ-UBND, 31/10/2017	4.500	4.500	4.500	4.500			4434	4434				66	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được duyệt				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Giảm	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối Ngân sách địa phương		Cân đối Ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng ngân sách tỉnh (nguồn hết dự)		Cân đối ngân sách địa phương	Thu vượt XSKT 2018	Thu hồi ứng ngân sách tỉnh (nguồn hết dự)			
8	Thiết bị hội trường Huyện ủy	2085/QĐ-UBND, 31/10/2017	3.000	3.000	3.000	3.000			2920	2920				80	
13	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng, điểm Thành Viên, xã Tân Phước Hưng, huyện Phú Hộ; Hàng mục: 02 phòng học, sân chơi, hàng rào, đồ chơi ngoài trời.	302/QĐ-SKHĐT, 11/12/2017	1.713	1.053	1.053	1.053			992	992				61	
15	Thiết bị UBND xã Hòa Mỹ	6826/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400	1.400					1400	1400			1.400		
16	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục hạ tầng trụ sở xã Hòa Mỹ	6824/QĐ-UBND, 31/10/2019	364	364					364	364			364		
17	San lấp mặt bằng, tường rào, cây xanh trung tâm văn hóa xã Bình Thành	6825/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.539	1.539					1.539	1.539			1.539		x



PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020 NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)
ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung					Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		NSĐP	XSKT	Tiền sử dụng đất			
	Tổng vốn		983.810	937.320	965.120	115.653	799.467	50.000	965.120		
A	Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất				7.500			7.500	7.500		
B	Hỗ trợ các địa phương		121.790	121.800	121.800	12.203	98.097	11.500	121.800		
I	Huyện Phụng Hiệp		46.000	46.000	46.000	-	43.000	3.000	46.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		46.000	46.000	46.000	-	43.000	3.000	46.000		
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	6686/QĐ-UBND, 28/10/2019	7.000	7.000	7.000		7.000	:	7.000		
2	Đường Giao thông nông thôn Xẻo Môn dài bờ trái, xã Long Thạnh	6808/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.500	5.500	5.500		2.500	3.000	5.500		
3	Trường Mẫu giáo Tân Long	6768/QĐ-UBND, 29/10/2019	5.500	5.500	5.500		5.500		5.500		
4	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2	6688/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000		
5	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 2	6811/QĐ-UBND, 30/10/2019	7.500	7.500	7.500		7.500		7.500		
6	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng 3	6812/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000		
7	Trường Tiểu học Hiệp Hưng 3	6692/QĐ-UBND, 28/10/2019	8.500	8.500	8.500		8.500		8.500		
II	Huyện Châu Thành		43.890	43.900	43.900	5.303	38.597	-	43.900		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		43.890	43.900	43.900	5.303	38.597		43.900		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất			
1	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	6621/QĐ-UBND, 30/10/2019	9.000	9.000	9.000			9.000		9.000	
2	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 2)	6620/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000	6.000			6.000		6.000	
3	Cụm Dân cư vượt lũ xã Phú Tân	6622/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.000	5.000	5.000			5.000		5.000	
4	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Phú Hữu 1	6693/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.900	8.900	8.900			8.900		8.900	
5	Nâng cấp tuyến đường Đông Sơn - Bưng Cây Sắn	6624/QĐ-UBND, 30/10/2019	14.990	14.990	15.000	5.303	9.697			15.000	:
III	Huyện Châu Thành A		14.000	14.000	14.000	2.500	3.000	8.500		14.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		14.000	14.000	14.000	2.500	3.000	8.500		14.000	
1	Cụm Dân cư vượt lũ Trường Long Tây	3557/QĐ-UBND; 31/10/2019	3.000	3.000	3.000			3.000		3.000	
2	Nâng cấp trục đường Trung tâm thị trấn Một Ngàn (đoạn từ UBND huyện đến Công an huyện)	3562/QĐ-UBND; 31/10/2019	11.000	11.000	11.000	2.500		8.500		11.000	
IV	Thị xã Ngã Bảy		17.900	17.900	17.900	4.400	13.500	-		17.900	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		17.900	17.900	17.900	4.400	13.500	-		17.900	
1	Đường dẫn vào khu Liên hiệp Định Chiến	1911/QĐ-UBND, 31/10/2019	14.900	14.900	14.900	4.400	10.500			14.900	
2	Trường Mẫu giáo Bông Sen (điểm khu vực 2 và khu vực 6)	1923/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000			1.000	
3	Trường Mẫu giáo Phong Lan	1915/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000	2.000		2.000			2.000	
C	Vốn thực hiện dự án		862.020	815.520	835.820	103.450	701.370	31.000		835.820	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất		
*	Tỉnh quản lý		352.280	352.280	352.280	326.080	51.280	267.800	7.000	326.080	
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư		38.000	38.000	38.000	34.000	34.000	-	-	34.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		38.000	38.000	38.000	34.000	34.000	-	-	34.000	
1	Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050	1984/QĐ-UBND, 08/11/2019	38.000	38.000	38.000	34.000	34.000			34.000	
II	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và Công nghiệp		135.800	135.800	135.800	132.200	-	125.200	7.000	132.200	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		135.800	135.800	135.800	132.200	-	125.200	7.000	132.200	
1	Trường Tiểu học Tân Long 2	297/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000	10.000	10.000		10.000		10.000	
2	Trường Tiểu học thị trấn Cây Dương 1	296/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000	10.000	10.000		10.000		10.000	
3	Trường Trung học cơ sở Ngô Hữu Hạnh	295/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	12.700	12.700	12.700	12.700		12.700		12.700	
4	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Viết Xuân	294/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	13.000	13.000		13.000		13.000	
5	Trường tiểu học Ngã Bảy 2	293/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	13.000	13.000		6.000	7.000	13.000	
6	Trường Tiểu học Vị Thủy 1	292/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000	10.000	10.000		10.000		10.000	
7	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1, xã Vĩnh Thuận Tây	291/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	13.000	13.000		13.000		13.000	
8	Trường Tiểu học Ngã Sáu	290/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	13.000	13.000		13.000		13.000	
9	Trường Trung học phổ thông Vị Thanh	1600/QĐ- UBND, 26/9/2019	35.600	35.600	35.600	32.000		32.000		32.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất		
10	Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong	289/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	5.500	5.500	5.500			5.500	5.500	
III	Sở Giáo dục và Đào tạo		11.200	11.200	11.200	-	-	11.200	11.200	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		11.200	11.200	11.200	-	-	11.200	11.200	
1	Trường Trung học phổ thông Hòa An	314/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000	
2	Trường Trung học phổ thông Châu Thành A	315/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000	
3	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh	304/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	400	400	400			400	400	
4	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	305/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	500	500	500			500	500	
5	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Ngã Sáu	306/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	300	300	300			300	300	
6	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông cái Tắc	308/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	600	600	600			600	600	
7	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Cây Dương	309/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	600	600	600			600	600	
8	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Phú Hữu	307/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	400	400	400			400	400	
9	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Tân Long	311/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	500	500	500			500	500	
10	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Tây Đô	312/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	600	600	600			600	600	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất		
11	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Trường Long Tây	310/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	400	400	400		400		400	
12	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Vĩnh Tường	313/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	900	900	900		900		900	
IV	Sở Y tế		133.000	133.000	114.400	-	114.400	-	114.400	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		133.000	133.000	114.400	-	114.400		114.400	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế (tuyến tỉnh, tuyến huyện)	1931/QĐ- UBND, 31/10/2019	133.000	133.000	114.400		114.400		114.400	
V	Sở Thông tin và Truyền thông		780	780	780	780	-	-	780	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		780	780	780	780	-	-	780	
1	Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Kiên bảo tỉnh Hậu Giang	298a/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	780	780	780	780			780	
VI	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		2.500	2.500	2.500	-	2.500	-	2.500	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		2.500	2.500	2.500	-	2.500		2.500	
1	Trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh	262/QĐ- SKHĐT, 11/10/2019	2.500	2.500	2.500		2.500		2.500	
VII	Trung tâm nước sạch và VSMTNT		31.000	31.000	31.000	16.500	14.500	-	31.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		31.000	31.000	31.000	16.500	14.500	-	31.000	
1	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Thạnh Xuân, Trường Long A, Trường Long Tây, Nhơn Nghĩa A.	276/QĐ- SKHĐT, 25/10/2019	7.500	7.500	7.500		7.500		7.500	
2	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Hòa An, Phụng Hiệp, Tân Phước Hưng, Hiệp Hưng, Thạnh Hòa, Tân Long	302/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	8.500	8.500	8.500	8.500			8.500	
3	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Vị Bình, Vị Thắng, Vĩnh Tường, Vĩnh Trung, Vị Thanh, Vị Trung, Vĩnh Thuận Tây	301/QĐ- SKHĐT, 31/10/2019	8.000	8.000	8.000	8.000			8.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất		
4	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Thuận Hòa, Xã Phiền, Vĩnh Thuận Đông, Vĩnh Viễn, Thuận Hưng, Vĩnh Viễn A	277/QĐ-SKHĐT, 25/10/2019	7.000	7.000	7.000		7.000		7.000	
**	Huyện quản lý		509.740	463.240	509.740	52.170	433.570	24.000	509.740	
I	Thành phố Vị Thanh		55.840	55.840	55.840	15.500	33.840	6.500	55.840	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		55.840	55.840	55.840	15.500	33.840	6.500	55.840	
1	Đường và cầu kinh Vị Bình, xã Hòa Lợi, thành phố Vị Thanh	3508/QĐ-UBND, 31/10/2019	10.000	10.000	10.000	10.000			10.000	
2	Đường ô tô về trung tâm xã Hòa Lợi, hạng mục: Láng nhựa, cầu Kênh Chùa và các đường dẫn	3507/QĐ-UBND, 31/10/2019	12.000	12.000	12.000	5.500		6.500	12.000	
3	Nhà văn hóa khu vực 2, phường VII	3492/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.600		1.600		1.600	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh	3495/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.600		1.600		1.600	
5	Nhà Văn hóa khu vực I, phường V	3503/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000	2.000		2.000		2.000	
6	Nâng cấp, sửa chữa đường Kênh 5, xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh	3510/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.500		1.500		1.500	
7	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đập Đá	3509/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.200	1.200	1.200		1.200		1.200	
8	Trường Mầm non Sen Hồng	3500/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400	1.400	1.400		1.400		1.400	
9	Trường Mầm non Hoa Hồng	3496/QĐ-UBND, 31/10/2019	600	600	600		600		600	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất		
10	Trường Tiểu học Kim Đồng	3499/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.500	9.500	9.500		9.500		9.500	
11	Trường Tiểu học Hím Lam	3505/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	500		500		500	
12	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	3489/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000	
13	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	3504/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000	
14	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	3498/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.340	3.340	3.340		3.340		3.340	
15	Nâng cấp sửa chữa trường Tiểu học Chu Văn An	3514/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000	
16	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	3497/QĐ-UBND, 31/10/2019	600	600	600		600		600	
17	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Phan Văn Trị	3513/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000	
18	Nâng cấp sửa chữa trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực	3494/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000	
II	Thị xã Long Mỹ		63.800	63.800	63.800	-	59.800	4.000	63.800	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		63.800	63.800	63.800	-	59.800	4.000	63.800	
1	Trung tâm văn hóa kết hợp Hội trường xã Nông thôn mới Tân Phú	1569/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.500	8.500	8.500		4.500	4.000	8.500	
2	Trường Mẫu giáo Phương Hồng	1562/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.900	1.900	1.900		1.900		1.900	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tiền sử dụng đất			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				NSDP		
3	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	1557/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.600	4.600	4.600		4.600		4.600	
4	Trường Tiểu học Vĩnh Tường	1563/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.450	1.450	1.450		1.450		1.450	
5	Trường Tiểu học Bình Thạnh	1552/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000	
6	Trường Tiểu học Long Phú 2	1558/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.600	2.600	2.600		2.600		2.600	
7	Trường Tiểu học Tân Phú 1 (Điểm áp Long Trị 1)	1555/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.500	4.500	4.500	:	4.500		4.500	
8	Trường Trung học cơ sở Trịnh Văn Thi	1566/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.700	1.700	1.700		1.700		1.700	
9	Trường Trung học cơ sở Long Trị A	1550/QĐ-UBND, 31/10/2019	550	550	550		550		550	
10	Trường Trung học cơ sở Long Trị	1561/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.800	2.800	2.800		2.800		2.800	
11	Trường Mẫu giáo Long Trị	1560/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.900	1.900	1.900		1.900		1.900	
12	Trường Mẫu giáo Trà Lồng	1553/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.050	7.050	7.050		7.050		7.050	
13	Trường Mẫu giáo Tân Phú	1556/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.300	4.300	4.300		4.300		4.300	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tiền sử dụng đất			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				XSKT		
14	Trường Tiểu học Long Trị A	1554/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000	4.000		4.000		4.000	
15	Trường Tiểu học Long Trị 2 (Lộ Tổng)	1559/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000	
16	Trường Trung học cơ sở Trà Lồng	1551/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.650	3.650	3.650		3.650		3.650	
17	Trường Mẫu giáo Bình Thạnh	1563/QĐ-UBND, 31/10/2019	900	900	900		900		900	
18	Trường Mẫu giáo Long Trị A ;	1564/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000	:	1.000	
19	Trường Tiểu học Long Phú 1 (điểm lẻ Long Bình 1)	1567/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400	1.400	1.400		1.400		1.400	
III	Thị xã Ngã Bảy		37.520	37.520	37.520	1.970	35.550	-	37.520	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		37.520	37.520	37.520	1.970	35.550	-	37.520	
1	Di dời nhà bia ghi tên Liệt Sĩ xã Đại Thành	1913/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000	
2	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Cái Côn (đoạn từ cầu Phụng Hiệp đến kênh Mang Cá)	1912/QĐ-UBND, 31/10/2019	14.950	14.950	14.950		14.950		14.950	
3	Mua sắm thiết bị nhà công vụ	1926/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.970	1.970	1.970		1.970		1.970	
4	Trường Tiểu học Tân Thành 2	1927/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.300	8.300	8.300		8.300		8.300	
5	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	1924/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất			
6	Trường Mầm non Hướng Dương	1917/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	500			500		500	
7	Trường Mẫu giáo Sao Mai	1914/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	500			500		500	
8	Trường Tiểu học Lái Hiếu	1916/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.800	1.800	1.800			1.800		1.800	
9	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	1922/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	500			500		500	
10	Nâng cấp, sửa chữa 6 điểm trường (Mẫu giáo Sen Hồng; Tiểu học Hùng Vương; Tiểu học Lý Tự Trọng; Tiểu học Kim Đồng; Tiểu học Đại Thành 2 và Trung học cơ sở Đại Thành)	1925/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500	1.500	
11	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	1918/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.500			1.500		1.500	
IV	Huyện Long Mỹ		95.000	95.000	95.000	3.000	90.500	1.500	95.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		95.000	95.000	95.000	3.000	90.500	1.500	95.000		
1	Đường Cao hột Bé B, xã Thuận Hòa	2453/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.500			1.500		1.500	
2	Đường bờ xáng áp 2, xã Thuận Hòa	2454/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.000	3.000	3.000			3.000		3.000	
3	Trung tâm văn hóa xã Thuận Hòa	2457/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000			1.000		1.000	
4	Nhà văn hóa áp 2, xã Thuận Hòa	2286/QĐ-UBND, 23/10/2019	700	700	700			700		700	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tầng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất	
5	Nhà văn hóa ấp 3, xã Thuận Hòa	2287/QĐ- UBND, 23/10/2019	700	700	700	700		700		700
6	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn 1	2290/QĐ- UBND, 23/10/2019	2.000	2.000	2.000	2.000		2.000		2.000
7	Trường Tiểu học Xã Phấn 1	2292/QĐ- UBND, 23/10/2019	5.000	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000
8	Trường Tiểu học Phạm Thị Gạo	2291/QĐ- UBND, 23/10/2019	2.000	2.000	2.000	2.000		2.000		2.000
9	Trường Tiểu học Thuận Hưng 1	2334/QĐ- UBND, 25/10/2019	4.000	4.000	4.000	4.000		4.000		4.000
10	Trường Tiểu học Xã Phấn 2	2335/QĐ- UBND, 25/10/2019	5.000	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000
11	Trường Tiểu học Thuận Hoà 1	2327/QĐ- UBND, 25/10/2019	2.100	2.100	2.100	2.100		2.100		2.100
12	Trường Trung học cơ sở Xã Phấn	2331/QĐ- UBND, 25/10/2019	900	900	900	900		900		900
13	Trường Mẫu giáo Thuận Hưng	2333/QĐ- UBND, 25/10/2019	2.500	2.500	2.500	2.500		2.500		2.500
14	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa	2326/QĐ- UBND, 25/10/2019	8.000	8.000	8.000	8.000		8.000		8.000
15	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thành Đô	2329/QĐ- UBND, 25/10/2019	7.000	7.000	7.000	7.000		7.000		7.000

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tiền sử dụng đất			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
16	Trường Mẫu giáo Vĩnh Viễn 2	2328/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000	
17	Trường Mẫu giáo Lương Nghĩa	2289/QĐ-UBND, 23/10/2019	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000	
18	Trường Mẫu giáo Xà Phiên 1	2330/QĐ-UBND, 25/10/2019	6.500	6.500	6.500		6.500		6.500	
19	Trường Tiểu học Vĩnh viễn A2	2332/QĐ-UBND, 25/10/2019	4.000	4.000	4.000		4.000		4.000	
20	Trường Trung học cơ sở Chiêm Thành Tấn	2288/QĐ-UBND, 23/10/2019	8.500	8.500	8.500		8.500	:	8.500	
21	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Trương Tấn Lập	2456/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.800	9.800	9.800		9.800		9.800	
22	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Lương Nghĩa 2	2455/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.800	9.800	9.800		9.800		9.800	
V	Huyện Vị Thủy		82.560	82.560	82.560	7.500	69.060	6.000	82.560	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		82.560	82.560	82.560	7.500	69.060	6.000	82.560	
1	Đường giao thông nông thôn ấp 7	3549/QĐ-UBND, 28/10/2019	7.500	7.500	7.500		7.500		7.500	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Kênh Chùa (xã Vị Trung - Vị Đông)	3548/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.700	1.700	1.700		1.700		1.700	
3	Đường Kinh bờ Xáng Nàng Mau từ chợ Vĩnh Tường đến giáp ranh ấp 12 xã Vị Thắng	3547/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.000	6.000	6.000		6.000	6.000	6.000	
4	Nâng cấp sửa chữa đường kênh 12000 ấp 7B1 xã Vị Thanh	3546/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.000	1.000	1.000		1.000	1.000	1.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			NSDP	XSKT		
5	Đường kênh 8.000 huyện Vị Thủy	3545/QĐ- UBND, 28/10/2019	13.000	13.000	13.000	13.000		13.000	13.000	
6	Đường Giao thông nông thôn xã Vị Trung (đoạn từ kênh 9 thước - Hội Đồng)	3544/QĐ- UBND, 28/10/2019	7.000	7.000	7.000	7.000		7.000	7.000	
7	Trường Mầm non Hòa Mi	3489/QĐ- UBND, 25/10/2019	2.800	2.800	2.800	2.800		2.800	2.800	
8	Trường Mẫu giáo Vĩnh Trung	3488/QĐ- UBND, 25/10/2019	5.500	5.500	5.500	5.500		5.500	5.500	
9	Trường Mẫu giáo Vị Đông	3487/QĐ- UBND, 25/10/2019	1.100	1.100	1.100	1.100		1.100	1.100	
10	Trường Trung học cơ sở Ngô Quốc Trị, hạng mục: Nâng cấp sân, hệ thống thoát nước	3475/QĐ- UBND, 25/10/2019	1.430	1.430	1.430	1.430		1.430	1.430	
11	Trường Tiểu học Vị Thanh 2	3486/QĐ- UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	2.000	2.000		2.000	2.000	
12	Trường Tiểu học Vị Bình 2	3485/QĐ- UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	2.000	2.000		2.000	2.000	
13	Trường Tiểu học Vĩnh Trung 4	3484/QĐ- UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	2.000	2.000		2.000	2.000	
14	Trường Mẫu giáo Vị Thủy	3483/QĐ- UBND, 25/10/2019	2.130	2.130	2.130	2.130		2.130	2.130	
15	Trường Tiểu học Vĩnh Trung 5	3482/QĐ- UBND, 25/10/2019	4.000	4.000	4.000	4.000		4.000	4.000	

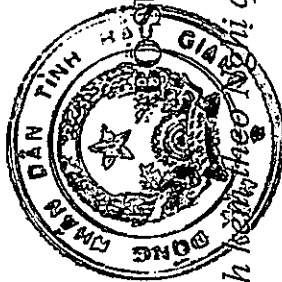
STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất			
16	Trường Tiểu học Vĩnh Trung 1	3481/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.500	5.500	5.500			5.500		5.500	
17	Trường Tiểu học Vĩnh Tường 2	3474/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.000	5.000	5.000			5.000		5.000	
18	Trường Tiểu học Vị Thủy 2, ấp 4	3480/QĐ-UBND, 25/10/2019	500	500	500			500		500	
19	Trường Tiểu học Nàng Mau 2	3479/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.000	1.000	1.000			1.000		1.000	
20	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 2	3478/QĐ-UBND, 25/10/2019	900	900	900			900		900	
21	Trường Tiểu học Vị Bình 2 (điểm B)	3477/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.100	1.100	1.100			1.100		1.100	
22	Trường Tiểu học Vị Thắng 1 (điểm B)	3476/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.000	1.000	1.000			1.000		1.000	
23	Trường Tiểu học Vị Thanh 1, ấp 1, xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy	3543/QĐ-UBND, 28/10/2019	8.400	8.400	8.400			8.400		8.400	
VI	Huyện Phụng Hiệp		77.540	77.540	77.540	23.000	54.540			77.540	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		77.540	77.540	77.540	23.000	54.540			77.540	
1	Nhà văn hoá ấp Long Sơn 1, xã Long Thạnh	6680/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.320	1.320	1.320			1.320		1.320	
2	Nhà văn hoá ấp Long Hoà A1, xã Long Thạnh	6683/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.200			1.200		1.200	
3	Nhà văn hoá ấp Long Trường 3, xã Long Thạnh	6681/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.200			1.200		1.200	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tiền sử dụng đất			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				NSDP		
4	Nhà văn hoá ấp Long trường 1, xã Long Thạnh	6682/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.200		1.200		1.200	
5	Nhà văn hoá ấp Trường Khánh 2, xã Long Thạnh	6684/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.200		1.200		1.200	
6	Trung tâm văn hóa thể thao xã Long Thạnh	6685/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.400	6.400	6.400		6.400		6.400	
7	Nhà công vụ UBND huyện Phụng Hiệp	4428/QĐ-UBND, 31/10/2018	4.500	4.500	4.500	4.500			4.500	
8	Trường Tiểu học Tân Bình 4, ấp Tám Ngàn và Tân Quới Kinh xã Tân Bình	6765/QĐ-UBND, 29/10/2019	1.500	1.500	1.500		1.500	:	1.500	
9	Trường Trung học cơ sở Long Thạnh	6690/QĐ-UBND, 28/10/2019	2.520	2.520	2.520		2.520		2.520	
10	Trường Mẫu giáo Phương Phú	6809/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000	
11	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	6691/QĐ-UBND, 28/10/2019	5.000	5.000	5.000		5.000		5.000	
12	Trường Tiểu học Kim Đồng	6689/QĐ-UBND, 28/10/2019	4.000	4.000	4.000		4.000		4.000	
13	Trường Tiểu học Mùa Xuân	6772/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000	3.000		3.000		3.000	
14	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3	6770/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.000	4.000	4.000		4.000		4.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung					Tăng	Ghi chủ
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất			
15	Trường Tiểu học Phương Phú 3	6766/QĐ- UBND, 29/10/2019	4.000	4.000	4.000			4.000		4.000	
16	Trường Tiểu học Hòa An 2	6687/QĐ- UBND, 28/10/2019	4.000	4.000	4.000			4.000		4.000	
17	Trường Trung học cơ sở Hưng Điền	6771/QĐ- UBND, 29/10/2019	4.500	4.500	4.500			4.500		4.500	
18	Trường Tiểu học Hòa An 4 (điểm Xáng Bộ)	6810/QĐ- UBND, 30/10/2019	4.500	4.500	4.500			4.500		4.500	
19	Trường Trung học cơ sở Hòa Mỹ	6823/QĐ- UBND, 31/10/2019	9.500	9.500	9.500		9.500			9.500	:
20	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 3	6813/QĐ- UBND, 30/10/2019	9.000	9.000	9.000		9.000			9.000	
VII	Huyện Châu Thành		42.330	42.330	42.330		-	36.330	6.000	42.330	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		42.330	42.330	42.330		-	36.330	6.000	42.330	
1	Cụm Dân cư vượt lũ xã Đông Phước	6619/QĐ- UBND, 30/10/2019	6.000	6.000	6.000				6.000	6.000	
2	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn I)	6623/QĐ- UBND, 30/10/2019	8.000	8.000	8.000			8.000		8.000	
3	Nhà văn hóa ấp Đông Lợi A, xã Đông Phước	6609/QĐ- UBND, 29/10/2019	800	800	800			800		800	
4	Nhà văn hóa ấp Tân Long, xã Đông Phước A	6612/QĐ- UBND, 29/10/2019	930	930	930			930		930	
5	Nhà văn hóa ấp Tân Thuận, xã Đông Phước A	6613/QĐ- UBND, 29/10/2019	900	900	900			900		900	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tiền sử dụng đất			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				NSDP		
6	Nhà văn hóa ấp Phước Tân, xã Đông Phước A	6614/QĐ- UBND, 29/10/2019	800	800	800	800		800	800	
7	Nhà văn hóa ấp Long Lợi A, xã Đông Phước A	6611/QĐ- UBND, 29/10/2019	900	900	900	900		900	900	
8	Đường Giao thông nông thôn Tuyến Rạch Cái Đồi, ấp Phước Hòa A, xã Đông Phước A	6690/QĐ- UBND, 31/10/2019	7.000	7.000	7.000	7.000		7.000	7.000	
9	Trường Tiểu học Ngõ Hữu Hạnh 2	6692/QĐ- UBND, 31/10/2019	9.000	9.000	9.000	9.000		9.000	9.000	
10	Trường Trung học cơ sở Phú Hữu	6610/QĐ- UBND, : 29/10/2019	3.000	3.000	3.000	3.000		: 3.000	3.000	
11	Trường Mẫu giáo Đông Phước	6691/QĐ- UBND, 31/10/2019	5.000	5.000	5.000	5.000		5.000	5.000	
VIII	Huyện Châu Thành A		55.150	55.150	55.150	55.150	1.200	53.950	-	55.150
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		55.150	55.150	55.150	55.150	1.200	53.950		55.150
1	Cụm Dân cư vượt lũ Nhơn Nghĩa A	3561/QĐ- UBND; 31/10/2019	7.500	7.500	7.500	7.500		7.500	7.500	
2	Cụm Dân cư vượt lũ Tân Thuận	3559/QĐ- UBND; 31/10/2019	3.500	3.500	3.500	3.500		3.500	3.500	
3	Cụm Dân cư vượt lũ Bảy Ngàn	3560/QĐ- UBND; 31/10/2019	7.900	7.900	7.900	7.900		7.900	7.900	
4	Cụm Dân cư vượt lũ Trường Long A	3558/QĐ- UBND; 31/10/2019	4.300	4.300	4.300	4.300		4.300	4.300	
5	Cầu Kênh Ba Thước	3556/QĐ- UBND; 31/10/2019	1.000	1.000	1.000	1.000		1.000	1.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung				Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP	XSKT	Tiền sử dụng đất		
6	Nâng cấp sửa chữa đường dẫn vào cầu Cầu chữ Y xã Trường Long Tây	3489/QĐ-UBND; 29/10/2019	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200			1.200	
7	Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	3121/QĐ-UBND; 07/10/2019	1.400	1.400	1.400	1.400		1.400		1.400	
8	Trường Mầm non Hướng Dương	3566/QĐ-UBND; 31/10/2019	6.000	6.000	6.000	6.000		6.000		6.000	
9	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 3	3567/QĐ-UBND; 31/10/2019	9.200	9.200	9.200	9.200		9.200		9.200	
10	Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	3565/QĐ-UBND; 31/10/2019	5.450	5.450	5.450	5.450		5.450		5.450	
11	Trường Tiểu học Thị trấn Một Ngàn A	3120/QĐ-UBND; 07/10/2019	1.000	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000	
12	Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	3497/QĐ-UBND; 29/10/2019	3.000	3.000	3.000	3.000		3.000		3.000	
13	Trường Tiểu học Nguyễn Du	3170/QĐ-UBND; 10/10/2019	1.400	1.400	1.400	1.400		1.400		1.400	
14	Trường Trung học cơ sở thị trấn Cái Tắc	3206/QĐ-UBND; 15/10/2019	1.300	1.300	1.300	1.300		1.300		1.300	
15	Trường Tiểu học Trường Long Tây 3	3564/QĐ-UBND; 31/10/2019	1.000	1.000	1.000	1.000		1.000		1.000	



PHỤ LỤC III

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016 - 2020

Nguồn thu hồi ứng trước ngân sách tỉnh (nguồn kết dư)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Trong đó:		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
	Tổng vốn		21.900	15.632	15.632	15.632	
A	Tỉnh quản lý		21.900	15.632	15.632	15.632	
I	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp		18.700	12.432	12.432	12.432	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		18.700	12.432	12.432	12.432	
I	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn tỉnh	1913/QĐ-UBND, 31/10/2019	18.700	12.432	12.432	12.432	
II	Công an tỉnh		3.200	3.200	3.200	3.200	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020		3.200	3.200	3.200	3.200	
I	Lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông và an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh	303/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	3.200	3.200	3.200	3.200	

PHỤ LỤC IV

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN CTMTQG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN)**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao			Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP			
I	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	TỔNG SỐ		305.038	236.780	19.247	236.780	219.479	17.301	244.708	226.964	17.301	24.860	17.834	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		28.563	26.411	-	17.645	17.645	-	24.672	24.672	-	7.807	780	
I	Huyện Long Mỹ		6.936	6.080	-	2.602	2.602	-	5.636	5.636	-	3.036	2	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		6.936	6.080	-	2.602	2.602	-	5.636	5.636	-	3.036	2	
	Xã Xà Phiên		4.536	4.196	-	1.570	1.570	-	3.932	3.932	-	2.362	-	
1	NCSC Trường THCS Xà Phiên	3278/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.236	2.136		1.570	1.570	-	1.872	1.872	-	302		
2	Đường bê tông tuyến Giao Du, ấp 2 xã Xà Phiên	1909/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.300	2.060					2.060	2.060		2.060		
(2)	Xã Lương Nghĩa		2.400	1.884	-	1.032	1.032	-	1.704	1.704	-	674	2	
1	NCSC Đường bê tông tuyến kênh Đòn Giồng ấp 8 xã Lương Nghĩa	3280/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.300	1.210		1.032	1.032	-	1.030	1.030	-		2	
2	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường nhà thờ Tô Ma (từ cầu kênh Sài Gòn đến cầu 9 Trung) ấp 8, xã Lương Nghĩa	1909/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.100	674					674	674		674		
II	Huyện Phụng Hiệp		21.627	20.331	-	15.043	15.043	-	19.036	19.036	-	4.771	778	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao				Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020				Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP					
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		21.627	20.331	-	15.043	15.043	-	19.036	19.036	-	-	4.771	778		
(1)	Xã Tân Bình		2.460	2.260	-	2.119	2.119	-	2.059	2.059	-	-	-	60		
1	NCSC Trường TH Tân Bình 4	4092/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.460	2.260		2.119	2.119	-	2.059	2.059	-	-		60		
(2)	Xã Hòa An		14.779	14.121	-	10.600	10.600	-	13.330	13.330	-	-	3.321	591		
1	NCSC Trường TH Hòa An I	4568/QĐ-UBND, 31/10/2017	5.100	5.000		4.800	4.800	-	4.600	4.600	-	-		200		
2	Tuyến lộ Đập Đá Ấp 4	4554/QĐ-UBND, 31/10/2017	3.000	2.800		2.800	2.800	-	2.669	2.669	-	-		131		
3	NCSC các phòng chức năng Trường TH Hòa An 3 (đạt chuẩn quốc gia)	4417/QĐ-UBND, 31/10/2018	3.179	3.000		3.000	3.000	-	2.740	2.740	-	-		260		
4	Tuyến lộ Bầu Môn, xã Hòa An	1909/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.500	3.321					3.321	3.321			3.321			
(3)	Xã Phụng Hiệp		4.388	3.950	-	2.324	2.324	-	3.647	3.647	-	-	1.450	127		
1	Tuyến lộ Kênh Tây	4595/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.500	1.200		1.200	1.200	-	1.165	1.165	-	-		35		
2	NCSC Tuyến đường kênh Hai Ban	4323/QĐ-UBND, 13/10/2018	1.288	1.300		1.124	1.124	-	1.032	1.032	-	-		92		
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đất Thánh	1909/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.450		-			1.450	1.450			1.450			
B	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM		276.475	210.369	19.247	219.135	201.834	17.301	220.036	202.292	17.301		17.053	17.054		
*	Tỉnh quản lý		20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	18.944	18.501	-	-	-	1.051		
I	Trung tâm nước sạch và VSMTNT		20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	18.944	18.501	-	-	-	1.051		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu					Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao				Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020				Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP			
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	18.944	18.501	-	-	-	1.051			
(1)	Môi trường (17)		20.850	19.552	-	19.552	19.552	-	18.944	18.501	-	-	-	1.051			
1	Xây dựng trạm cấp nước xã Hòa Tiến	178a/QĐ- SKHĐT, 27/9/2017	10.000	9.952		9.952	9.952	-	9.232	9.232	-	-	-	720			
2	NCSC, phát triển tuyến ống xã Vị Trung	271/QĐ- SKHĐT, 31/10/2017	4.400	3.800		3.800	3.800	-	3.865	3.622	-	-	-	178			
3	NCSC, phát triển tuyến ống xã Hòa Lưu	270/QĐ- SKHĐT, 31/10/2017	3.300	2.800		2.800	2.800	-	2.921	2.721	-	-	-	79			
4	NCSC Trạm cấp nước xã Phú An	450/QĐ- SKHĐT, 28/9/2018	3.150	3.000		3.000	3.000	-	2.926	2.926	-	-	-	74			
**	Huyện quản lý		255.625	190.817	19.247	199.583	182.282	17.301	201.092	183.791	17.301	-	-	16.003			
I	Thành phố Vị Thanh		25.135	22.911	-	21.758	21.758	-	20.457	20.457	-	-	-	2.183			
	Hỗ trợ hợp tác xã	2027/QĐ- UBND, 15/11/2019	2.150	1.720		1.720	1.720		420	420				1.300			
I	Xã Vị Tân		1.000	842	-	-	-	-	842	842	-	-	-	-			
(1)	Giao thông (2)		1.000	842	-	-	-	-	842	842	-	-	-	-			
	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Ó Sáu, xã Vị Tân	1909/QĐ- UBND, 31/10/2019	1.000	842		-			842	842							
2	Xã Hòa Tiến		10.981	10.115	-	9.804	9.804	-	9.525	9.525	-	-	-	319			
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		10.981	10.115	-	9.804	9.804	-	9.525	9.525	-	-	-	319			
(1)	Giao thông (2)		6.008	5.084	-	4.859	4.859	-	4.725	4.725	-	-	-	169			
1	Nâng cấp, sửa chữa Phạm Hùng, xã Tân Tiến - Hòa Tiến	3335/QĐ- UBND, 29/9/2017	1.390	1.196		1.196	1.196	-	1.156	1.156				40			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao				Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020				Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP					
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Đường Kênh Năm, ấp Thạnh Thắng	3336/QĐ-UBND, 29/9/2017	670	590		590	590	-	555	555			35			
3	Đường Chống Mỹ ấp Thạnh Thắng, xã Hòa Tiến	3461/QĐ-UBND, 29/9/2017	3.148	2.548		2.548	2.548	-	2.454	2.454			94			
4	NCSC Đường và cầu vào trường THCS Nguyễn Việt Hồng	3759/QĐ-UBND, 30/10/2017	800	750		525	525	-	560	560		35				
(2)	Trường học (5)		2.560	2.618	-	2.543	2.543	-	2.449	2.449	-	5	99			
1	Nâng cấp, sửa chữa trường MG Hoa Sen giao lại cho trường TH Trương Định	3314/QĐ-UBND, 28/9/2017	1.778	1.778		1.778	1.778	-	1.679	1.679			99			
2	Trang thiết bị trường MG Hoa Sen	3282/QĐ-UBND, 26/9/2017	782	840		765	765	-	770	770		5				
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)		2.413	2.413	-	2.402	2.402	-	2.351	2.351	-	-	51			
1	Nhà văn hóa ấp Thạnh xuân	3313/QĐ-UBND, 28/9/2017	1.667	1.667		1.667	1.667	-	1.639	1.639			28			
2	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa ấp Thạnh Quới 2	3452/QĐ-UBND, 29/9/2017	746	746		735	735	-	712	712			23			
3	Xã Hòa Lợi		11.004	10.234	-	10.234	10.234	-	9.670	9.670	-	-	564			
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		11.004	10.234	-	10.234	10.234	-	9.670	9.670	-	-	564			
(1)	Giao thông (2)	-	4.900	4.500	-	4.500	4.500	-	4.439	4.439	-	-	61			
1	Tuyến Đường Nước Đục - Lộ Tắc	3760/QĐ-UBND, 30/10/2017	4.900	4.500		4.500	4.500	-	4.439	4.439			61			
(2)	Trường học (5)	-	3.564	3.264	-	3.264	3.264	-	2.900	2.900	-	-	364			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao			Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm		
		Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP			NSTW	TPCP
1	NCSC Trường Tiểu học Võ Thị Sáu (điểm phụ)	3761/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.564	3.264	-	3.264	3.264	-	2.900	-			364	
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	2.540	2.470	-	2.470	2.470	-	2.331	-	-	139		
1	Nhà văn hóa khu thể thao ấp Thạnh Lợi	3765/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.540	1.500	-	1.500	1.500	-	1.376	-		124		
2	Nhà văn hóa ấp Mỹ 1, xã Hòa Lợi	3343/QĐ-UBND, 31/10/2018	1.000	970	-	970	970	-	955	-		15		
II	Thị xã Ngã Bảy		12.451	6.891	1.286	7.458	6.172	1.286	6.418	5.132	734	2.233		
	Hỗ trợ hợp tác xã	2027/QĐ-UBND, 15/11/2019	2.800	2.240		2.240	2.240		1.200	1.200		1.040		
I	Xã Đại Thành		730	719	-	-	-	-	719	719	719	459		
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		730	719	-	-	-	-	719	719	719	459		
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)		730	719	-	-	-	-	719	719	719	459		
1	Nhà văn hóa ấp Cái Cồn, xã Đại Thành	1163/QĐ-UBND, 19/5/2016	1.164	1.000	-	989	989	-	530	530		459		
2	Nâng cấp sửa chữa các thiết chế văn hóa trên địa bàn xã Đại Thành	1909/QĐ-UBND, 31/10/2019	730	719					719	719	719			
2	Xã Tân Thành		6.153	1.598	1.286	2.884	1.598	1.286	2.899	1.613	15	-		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		6.153	1.598	1.286	2.884	1.598	1.286	2.899	1.613	15	-		
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)		6.153	1.598	1.286	2.884	1.598	1.286	2.899	1.613	15	-		
1	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông An 2, xã Tân Thành	2198/QĐ-UBND 02/7/2014	3.002	742	586	1.328	742	586	1.338	752	10			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao				Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	
2	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông An 2A, xã Tân Thành	2196/QĐ-UBND 02/7/2014	3.151	856	700	1.556	856	700	1.561	861	700	5			
3	Xã Hiệp Lợi		2.768	2.334	-	2.334	2.334	-	1.600	1.600	-	-	734		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015		2.768	2.334	-	2.334	2.334	-	1.600	1.600	-	-	734		
(1)	Giao thông (2)		2.768	2.334	-	2.334	2.334	-	1.600	1.600	-	-	734		
1	Lộ kênh đào	3133/QĐ-UBND 2/12/2015	2.768	2.334		2.334	2.334	-	1.600	1.600	-		734		
III	Thị xã Long Mỹ		31.036	28.554	-	26.540	26.540	-	26.770	26.770	-	2.244	2.014		
	Hỗ trợ hợp tác xã	2027/QĐ-UBND, 15/11/2019	9.800	7.840		7.840	7.840		8.070	8.070		230			:
1	Xã Long Trị		21.236	20.714	-	18.700	18.700	-	18.700	18.700	-	2.014	2.014		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		21.236	20.714	-	18.700	18.700	-	18.700	18.700	-	2.014	2.014		
(1)	Giao thông (2)		17.000	16.500	-	16.500	16.500	-	14.486	14.486	-	-	2.014		
1	Đường 3 Bal - Thầy Phó	3238/QĐ-UBND, 14/9/2017	4.500	4.500		4.500	4.500	-	4.252	4.252	-		248		
2	Đường Sáu Hạnh	2709/QĐ-UBND, 7/8/2017	4.400	4.400		4.400	4.400	-	3.490	3.490	-		910		
3	Đường Xẻo lá, xã Long Trị	2708/QĐ-UBND, 7/8/2017	2.600	2.600		2.600	2.600	-	2.063	2.063	-		537		
4	Đường Lái Hiếu	3627a/QĐ-UBND, 24/10/2017	5.500	5.000		5.000	5.000	-	4.681	4.681	-		319		
(2)	Trường học (5)	-	4.236	4.214	-	2.200	2.200	-	4.214	4.214	-	2.014	-	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu					Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao				Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020				Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	Tăng	Giảm	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP												
1	Trường MG Long Trị	2821/QĐ-UBND, 16/8/2017	4.236	4.214		2.200	2.200	-	4.214	4.214	-	4.214	4.214	-	2.014		
IV	Huyện Phụng Hiệp		56.376	24.743	11.961	33.955	23.940	10.015	31.979	21.964	10.015	3.181	5.157				
	Hỗ trợ hợp tác xã	2027/QĐ-UBND, 15/11/2019	6.300	5.040		5.040	5.040		3.064	3.064			1.976				
I	Xã Phương Bình		13.250	13.250	-	13.250	13.250	-	12.492	12.492	-	-	758				
*	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		13.250	13.250	-	13.250	13.250	-	12.492	12.492	-	-	758				
(2)	Trường học (5)	-	7.650	7.650	-	7.650	7.650	-	7.264	7.264	-	-	386				
1	Trường Tiểu học và THCS Phương Ninh (điểm lẻ)	4095/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.000	2.000		2.000	2.000	-	1.760	1.760	-	-	240				
2	Trường TH Phương Bình 1, hạng mục: 3 phòng học	4101/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.650	1.650		1.650	1.650	-	1.551	1.551	-		99				
3	Trường Tiểu học và THCS Phương Ninh (điểm chính)	4094/QĐ-UBND, 29/9/2017	4.000	4.000		4.000	4.000	-	3.953	3.953	-		47				
(3)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	5.600	5.600	-	5.600	5.600	-	5.228	5.228	-	-	372				
1	Nhà văn hóa ấp Phương Thạnh	4100/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.200	1.200		1.200	1.200	-	1.180	1.180	-		20				
2	Nhà văn hóa ấp Phương Quới	4099/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.200	1.200		1.200	1.200	-	1.139	1.139	-		61				
3	Nhà văn hóa ấp Phương Lạc	4096/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.200	1.200		1.200	1.200	-	1.179	1.179	-		21				
4	Nhà văn hóa khu thể thao ấp Phương An	4012/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.000	2.000		2.000	2.000	-	1.730	1.730	-		270				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao			Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	Tăng	Giảm	
2	Xã Bình Thành		5.045	4.900	-	4.900	4.900	-	4.855	4.855	-	-	45	
*	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		5.045	4.900	-	4.900	4.900	-	4.855	4.855	-	-	45	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	2.470	2.400	-	2.400	2.400	-	2.376	2.376	-	-	24	
1	Nhà văn hóa ấp Thạnh Mỹ A	4572/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.120	1.100		1.100	1.100	-	1.097	1.097	-		3	
2	Nhà văn hóa ấp Tân Long B	4570/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.350	1.300		1.300	1.300	-	1.279	1.279	-		21	
(4)	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18)		2.575	2.500	-	2.500	2.500	-	2.479	2.479	-	-	21	
1	NCSC trụ sở xã Bình Thành	4591/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575	2.500		2.500	2.500	-	2.479	2.479	-		21	
3	Xã Thạnh Hòa		10.067	-	1.647	379	-	379	2.099	-	2.099	1.720	-	
*	Dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng trước 31/12/2015		10.067	-	1.647	379	-	379	2.099	-	2.099	1.720	-	
(1)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	10.067	-	1.647	379	-	379	2.099	-	2.099	1.720	-	
1	Nhà văn hoá - Khu thể thao ấp Tâm Vu 2	2331/QĐ-UBND, 22/5/2014	2.767		379	379	-	379	831	-	831	452		
2	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Hòa	3574a/QĐ-UBND ngày 12/6/2014	7.300		1.268	-	-		1.268		1.268			
4	Xã Phương Phú		7.121	750	1.883	2.633	750	1.883	1.365	750	615	-	1.268	
.	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2016		7.121	750	1.883	2.633	750	1.883	1.365	750	615	-	1.268	
(1)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	7.121	750	1.883	2.633	750	1.883	1.365	750	615	-	1.268	
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phương An B	1388/QĐ-UBND 23/3/2015	2.576		803	803	-	803	427		427		376	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao			Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP				
2	Nhà văn hóa ấp Phương Hòa	1389/QĐ-UBND 23/3/2015	1.532		359	359	-	359	114		114			245	
3	Nhà văn hóa ấp Bình Hòa	1390/QĐ-UBND 23/3/2015	1.509		638	638	-	638	74		74			564	
4	Nhà văn hóa ấp Phương Thạnh	1386/QĐ-UBND 23/3/2015	1.504	750	83	833	750	83	750	750				83	
5	Xã Tân Bình		7.566	-	3.221	3.221	-	3.221	2.769	-	2.769	-	-	452	-
*	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2016		7.404	-	3.075	3.075	-	3.075	2.652	-	2.652	-	-	423	-
(1)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	7.404	-	3.075	3.075	-	3.075	2.652	-	2.652	-	-	423	-
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Bình và Đường vào khu TTVH xã Tân Bình (giai đoạn I)	4389/QĐ-UBND 21/7/2015	7.404		3.075	3.075	-	3.075	2.652	-	2.652	-		423	
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		162	-	146	146	-	146	117	-	117	-	-	29	
(2)	Trường học (5)	-	162	-	146	146	-	146	117	-	117	-	-	29	
1	Trường Mẫu Giáo Tân Bình 2; Hạng mục: Hàng Rào	6528a/QĐ-UBND 20/10/2015	162		146	146	-	146	117	-	117	-		29	
6	Xã Hòa An		5.927	-	5.210	4.532	-	4.532	4.532	-	4.532	-	658	658	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		5.927	-	5.210	4.532	-	4.532	4.532	-	4.532	-	658	658	
(1)	Giao thông (2)		5.927	-	5.210	4.532	-	4.532	4.532	-	4.532	-	658	658	
1	Tuyến đường kênh Cái Cao và nâng cấp sửa chữa cầu Chúc Thọ	344/UBND, 4/4/2016	2.859		2.382	2.382	-	2.382	2.078	-	2.078	-		304	
2	Tuyến đường cấp kênh Chúc Thọ Xẻo Sánh và cầu Bà Mười	340/UBND, 4/4/2016	1.612		1.450	1.450	-	1.450	1.306	-	1.306	-		144	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao				Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020				Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	Tăng	Giảm	
3	Xây dựng cầu giao thông nông thôn xã Hòa An. Hạng mục: Cầu Tư Hiệp, Cầu Ban Lùng, Cầu Tư Liệt, Cầu Minh Hải, Cầu Ba Lùng		778		700	700	-	700	490	-	490	210				
4	Tuyến Bàu Lá xã Hòa An	1642a/QĐ-UBND, 25/02/2016	678		678	-			658		658			658		
7	Xã Long Thạnh		1.100	803	-	-	-	-	803	803	-	-	-	803	-	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		1.100	803	-	-	-	-	803	803	-	-	-	803	-	
(1)	Trường học (5)		1.100	803	-	-	-	-	803	803	-	-	-	803	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Long Thạnh 3 (điểm Long Trường 3), hạng mục: 6 phòng học nhà vệ sinh và thiết bị	1909/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.100	803	-	-	-	-	803	803	-	-	-	803	-	
V	Huyện Châu Thành		4.800	4.270	-	3.420	3.420	-	1.700	1.700	-	-	-	830	2.550	
	Hỗ trợ hợp tác xã		2.150	1.720	-	1.720	1.720	-	-	-	-	-	-	-	1.720	
1	Xã Đông Phước A		2.650	2.550	-	1.700	1.700	-	1.700	1.700	-	-	-	830	830	
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	2.650	2.550	-	1.700	1.700	-	1.700	1.700	-	-	-	830	830	
1	Nhà văn hóa ấp Long Lợi	4855/QĐ-UBND, 31/10/2018	900	850	-	-	-	-	830	830	-	-	-	830	-	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phước Hòa A	4858/QĐ-UBND, 31/10/2018	1.750	1.700	-	1.700	1.700	-	870	870	-	-	-	-	830	
VI	Huyện Châu Thành A		23.782	22.962	-	22.013	22.013	-	24.054	24.054	-	-	-	2.041	-	
	Hỗ trợ hợp tác xã	2027/QĐ-UBND, 15/11/2019	1.500	1.200	-	1.200	1.200	-	2.400	2.400	-	-	-	1.200	-	
1	Xã Tân Phú Thạnh		18.849	18.329	-	17.563	17.563	-	18.224	18.224	-	-	-	661	-	
*	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		18.849	18.329	-	17.563	17.563	-	18.224	18.224	-	-	-	661	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao			Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP			
(1)	Giao thông (2)	-	14.315	13.973	-	13.766	13.766	-	14.003	14.003	-	237	-	
1	Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp để bao kết hợp với giao thông nông thôn (hạng mục: Tuyến Kênh Tắc Ba Hàm Ấp Thạnh Lợi A Thạnh Phú)	2827/QĐ-UBND, 5/7/2017	3.489	3.439	-	3.400	3.400	-	3.427	3.427	-	27	-	
2	Các tuyến đường giao thông xã Tân Phú Thạnh; hạng mục: Tuyến Ba Láng - So Đũa Bé	2826/QĐ-UBND, 5/7/2017	8.812	8.520	-	8.520	8.520	-	8.706	8.706	-	186	-	
3	Cầu Rạch Lá, ấp Thạnh Mỹ A	2820/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.009	1.009	-	936	936	-	940	940	-	4	-	
4	Cầu Rạch Đập, ấp Thạnh Mỹ	2821/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.005	1.005	-	910	910	-	930	930	-	20	-	
(2)	Thủy lợi (3)	-	3.089	2.911	-	2.644	2.644	-	2.827	2.827	-	183	-	
1	Nạo vét kênh Ranh So Đũa Bé	2822/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.050	1.015	-	890	890	-	950	950	-	60	-	
2	Nạo vét kênh Ranh đoạn từ kênh Rạch Ông Tam Lớn đến Rạch Bàn kết hợp xây dựng 2 cống (cống San Tráng ấp Thạnh Mỹ và cống 7 Ngự Tân Thạnh Tây)	2824/QĐ-UBND, 5/7/2017	816	796	-	654	654	-	728	728	-	74	-	
3	Nạo vét Kênh Ranh, Kênh Bà Kiêng, Kênh Tư Việt Kênh thủy lợi Ba Hàm	2823/QĐ-UBND, 5/7/2017	1.223	1.100	-	1.100	1.100	-	1.149	1.149	-	49	-	
(4)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	1.445	1.445	-	1.153	1.153	-	1.394	1.394	-	241	-	
1	Nhà văn hóa ấp Tân Thạnh Tây	2385/QĐ-UBND, 13/6/2017	723	723	-	578	578	-	673	673	-	95	-	
2	Nhà văn hóa ấp Thạnh Lợi A	2387/QĐ-UBND, 13/6/2017	722	722	-	575	575	-	721	721	-	146	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao				Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020				Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP	NSTW		TPCP					
2	Xã Thạnh Xuân		3.433	3.433	-	3.250	3.250	-	3.430	3.430	-	180	-			
**	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		3.433	3.433	-	3.250	3.250	-	3.430	3.430	-	180	-			
(4)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	3.433	3.433	-	3.250	3.250	-	3.430	3.430	-	180	-			
1	Nhà văn hóa ấp Láng Hầm B xã Thạnh Xuân	2393/QĐ-UBND, 14/6/2017	748	748		700	700	-	748	748	-	48				
2	Nhà văn hóa ấp Xẻo Cao A xã Thạnh Xuân	2394/QĐ-UBND, 14/6/2017	723	723		700	700	-	722	722	-	22				
3	Nhà văn hóa ấp So Đũa Lớn A	3860/QĐ-UBND, 25/10/2017	691	691		650	650	-	690	690	-	40				
4	Nhà văn hóa ấp Trầu Hời A	3859/QĐ-UBND, 25/10/2017	681	681		650	650	-	680	680	-	30				
5	Nhà văn hóa ấp Láng Hầm C	3861/QĐ-UBND, 25/10/2017	590	590		550	550	-	590	590	-	40				
VII	Huyện Long Mỹ		45.342	40.176	1.100	40.976	39.876	1.100	42.194	41.094	1.100	2.491	1.273			
	Hỗ trợ hợp tác xã	2027/QĐ-UBND, 15/11/2019	10.390	8.312		8.312	8.312		9.840	9.840		1.528				
I	Xã Lương Tâm		15.585	15.345	-	14.870	14.870	-	14.460	14.460	-	380	790			
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		15.585	15.345	-	14.870	14.870	-	14.460	14.460	-	380	790			
(1)	Giao thông (2)	-	14.029	13.789	-	13.600	13.600	-	13.016	13.016	-	206	790			
1	Cầu Tư Thân ấp 3	2712/QĐ-UBND, 29/9/2017	770	770		760	760	-	549	549			211			
2	Cầu Ông Diển ấp 5	2713/QĐ-UBND, 29/9/2017	770	770		760	760	-	556	556			204			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao			Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP		NSTW	TPCP		NSTW	TPCP			
3	Tuyến đường Bản Quý Đông	2714/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.944	1.944		1.900	1.900	-	1.852	1.852			48	
4	Tuyến đường Xã Hội	2715/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.944	2.944		2.900	2.900	-	2.834	2.834			66	
5	Cầu Tô Ma	2716/QĐ-UBND, 29/9/2017	1.445	1.445		1.400	1.400	-	1.314	1.314			86	
6	Cầu 5 Mũi	2717/QĐ-UBND 29/9/2017	556	556		550	550	-	551	551		1		
7	Cầu Kênh Tắc, xã Lương Tâm	2719/QĐ-UBND 29/9/2017	880	880		850	850	-	781	781			69	
8	Tuyến đền thờ di Xá Mão, xã Lương Tâm	2718/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.500	2.500		2.500	2.500	-	2.394	2.394			106	
9	NCSC Tuyến đường Tô Ma A, xã Lương Tâm	3281/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.220	1.980		1.980	1.980	-	2.185	2.185		205		
(3)	Trường học (5)	-	1.556	1.556	-	1.270	1.270	-	1.444	1.444	-	174	-	
1	NCSC Trường Tiểu học Lương Tâm 2	2687/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.556	1.556		1.270	1.270	-	1.444	1.444		174		
2	Xã Vĩnh Thuận Đông		19.367	16.519	1.100	17.794	16.694	1.100	17.894	16.794	1.100	583	483	
	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020		19.367	16.519	1.100	17.794	16.694	1.100	17.894	16.794	1.100	583	483	
(1)	Giao thông (2)	-	14.967	12.399	1.100	13.694	12.594	1.100	13.967	12.867	1.100	583	310	
1	Đường rạch Cá Đĩa xã Vĩnh Thuận Đông	553/QĐ-UBND, 23/3/2016	6.467	5.800		5.800	5.800	-	6.051	6.051		251		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao			Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020			Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số	NSTW	TPCP	Tổng số	NSTW	TPCP	Tăng	Giảm	
2	Tuyến Kênh Bờ Tre xã Vĩnh Thuận Đông	2212/QĐ-UBND, 15/9/2016	3.000	2.199	700	2.899	2.199	700	2.627	1.927	700		272	
3	Đường GTNT tuyến kênh Lý Nét	2211/QĐ-UBND, 15/9/2016	600		400	595	195	400	557	157	400		38	
4	Tuyến đường từ cầu Cà Đĩa đến Bến Ruộng	3283/QĐ-UBND, 31/10/2017	4.900	4.400		4.400	4.400	-	4.732	4.732		332		
(3)	Trường học (5)	-	4.400	4.120	-	4.100	4.100	-	3.927	3.927	-	-	173	
1	NCSC Trường TH Vĩnh Thuận Đông 1, hạng mục 3 phòng học	2688/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.880	1.650		1.650	1.650	-	1.515	1.515	-		135	
2	NCSC Trường tiểu học Vĩnh Thuận Đông 1 (áp 2 Cái Nhum)	3282/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.520	2.470		2.450	2.450	-	2.412	2.412	-		38	
VIII	Huyện Vị Thủy	-	56.703	40.310	4.900	43.463	38.563	4.900	47.520	42.620	4.900	4.650	593	-
	Hỗ trợ hợp tác xã	2027/QĐ-UBND, 15/11/2019	6.600	5.280		5.280	5.280		8.358	8.358		3.078		
I	Xã Vị Thủy	-	11.961	-	3.900	3.900	-	3.900	4.049	149	3.900	149	-	-
*	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2016		11.592	-	3.600	3.600	-	3.600	3.699	99	3.600	99	-	-
(1)	Giao thông (2)	-	5.462	-	400	400	-	400	432	32	400	32	-	-
1	Đường lò heo - Hai cù xã Vị Thủy	759/QĐ-UBND, 18/3/2013	5.462		400	400	-	400	432	32	400	32		
(2)	Cơ sở vật chất văn hóa (6)	-	6.130	-	3.200	3.200	-	3.200	3.267	67	3.200	67	-	-
1	Nhà văn hóa- khu thể thao áp 3, xã Vị Thủy	3891/QĐ-UBND, 24/10/2014	3.157		2.200	2.200	-	2.200	2.259	59	2.200	59		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu					Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020 được giao					Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trung hạn 2016 - 2020				Tăng, Giảm		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:			Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tăng	Giảm				
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	NSTW	TPCP			NSTW	TPCP		NSTW	TPCP						
**	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020		22.750	21.700	-	21.000	21.000	21.000	21.000	-	21.332	21.332	-	440	108	-		
(1)	Giao thông (2)	-	8.650	8.200	-	7.500	7.500	7.500	7.500	-	7.940	7.940	-	440	-	-		
1	Đường kênh Nàng Bèn	3859/QĐ-UBND, 30/10/2017	8.650	8.200		7.500	7.500	7.500	7.500	-	7.940	7.940	-	440				
(2)	Trường học (5)	-	14.100	13.500	-	13.500	13.500	13.500	13.500	-	13.392	13.392	-	-	108	-		
1	Trường MG Vị Trung, hạng mục: XD 5 phòng học, NCSC các phòng chức năng, sân và trang thiết bị	3856/QĐ-UBND, 30/10/2017	5.200	5.000		5.000	5.000	5.000	5.000	-	4.922	4.922	-		78			
2:	Trường Tiểu học Vị Trung 2, hạng mục: 10 phòng học, NCSC các phòng chức năng, sân, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe và trang thiết bị	3613/QĐ-UBND, 22/10/2018	8.900	8.500		8.500	8.500	8.500	8.500	-	8.470	8.470	- ;		30			

PHỤ LỤC V

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN CTMTQG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(NGUỒN VỐN CHI SỰ NGHIỆP)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2016 - 2020 được giao	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn giai đoạn 2016 - 2020	Tăng	Giảm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	121.732	122.732	28.001	27.001	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					
I	Ngoài Chương trình 135					
1	Truyền thông và giám nghèo về thông tin	25.402	25.402	836	836	
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135	9.425	9.054	346	717	
3	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	2.267	1.965		302	
II	Chương trình 135					
1	Đào tạo, nâng cao năng lực	1.587	1.933	346		
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	15.977	16.348	490	119	
3	Duy tu, bảo dưỡng	1.601	1.579		22	
B	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	11.472	11.375		97	
I	Chỉ sự nghiệp					
1	Đào tạo nghề lao động nông thôn	2.904	3.394	490		
2	Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án (Đào tạo nghề LĐNT)	96.330	97.330	27.165	26.165	
3	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	96.330	97.330	27.165	26.165	
4	Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	38.714	27.248		11.466	
5	Nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp	722	751	29		
6	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và hỗ trợ phát triển hợp tác xã và phát triển ngành nghề nông thôn	9.400	9.520	120		
7	Xử lý, cải thiện môi trường nông thôn	960	910	300	50	
8	Phát triển giáo dục nông thôn	4.700	5.000			
9	Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn	5.800	4.400		1.400	
10	Duy tu	2.200	540		1.660	
		4.438	795		3.643	
		15.346	7.400		7.946	
		14.050	40.766	26.716		